

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh năm 2025**  
**của Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108**

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Y DƯỢC LÂM SÀNG 108**

*Căn cứ Quyết định số 68/TTg ngày 26/01/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Viện Quân y 108;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;*

*Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 12/02/2025 của Bộ Quốc phòng về việc giao nhiệm vụ đào tạo hệ dân sự cho một số cơ sở giáo dục trong Quân đội;*

*Căn cứ Quyết định số 218/QĐ-VNC ngày 01/7/2024 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108 ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;*

*Căn cứ kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh năm 2025 của Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Huấn luyện, đào tạo và chỉ đạo tuyển.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 23 (hai mươi ba) thí sinh trúng tuyển nghiên cứu sinh năm 2025 của Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Các nghiên cứu sinh có tên trong Điều 1 được hưởng quyền lợi và thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành về đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108.

**Điều 3.** Giám đốc Trung tâm Huấn luyện, đào tạo và chỉ đạo tuyển; Trưởng các Phòng, Ban, Bộ môn; các đơn vị liên quan và nghiên cứu sinh có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT,
- Cục Quân huấn-Nhà trường/BTTM;
- Lưu: VT, HLĐT. Th30.

**VIỆN TRƯỞNG**

**Thiếu tướng Lê Hữu Song**

## DANH SÁCH

**Công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh năm 2025 của Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VNC ngày / /2025 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học Y Dược lâm sàng 108)

| TT | Họ và tên           | Ngày/tháng/<br>năm sinh | Giới<br>tính | Ngành/chuyên ngành đào tạo                    | Hình thức<br>Thời gian đào tạo |
|----|---------------------|-------------------------|--------------|-----------------------------------------------|--------------------------------|
| 1  | Bùi Ngọc Đức        | 18/10/1974              | Nam          | Gây mê hồi sức                                | Tập trung - 3 năm              |
| 2  | Nguyễn Nhật Tiến    | 09/06/1989              | Nam          | Gây mê hồi sức                                | Tập trung - 3 năm              |
| 3  | Đặng Minh Hải       | 26/02/1985              | Nam          | Nội khoa/Nội tim mạch                         | Tập trung - 3 năm              |
| 4  | Dương Thu Anh       | 23/06/1981              | Nữ           | Nội khoa/Nội tim mạch                         | Tập trung - 3 năm              |
| 5  | Mai Văn Toàn        | 12/03/1986              | Nam          | Nội khoa/Nội tim mạch                         | Tập trung - 3 năm              |
| 6  | Khổng Tiến Bình     | 06/11/1986              | Nam          | Nội khoa/Nội tim mạch                         | Tập trung - 3 năm              |
| 7  | Hoàng Thị Thúy Diệu | 11/09/1982              | Nữ           | Nội khoa/Nội tim mạch                         | Tập trung - 3 năm              |
| 8  | Doãn Hữu Linh       | 23/06/1980              | Nam          | Nội khoa/Nội tim mạch                         | Tập trung - 3 năm              |
| 9  | Lê Tiến Dũng        | 23/08/1977              | Nam          | Nội khoa/Nội tim mạch                         | Tập trung - 3 năm              |
| 10 | Trần Thị Nương      | 26/11/1985              | Nữ           | Nội khoa/Nội tiêu hóa                         | Tập trung - 3 năm              |
| 11 | Tạ Quốc Hưng        | 28/05/1989              | Nam          | Nội khoa/Da liễu                              | Tập trung - 3 năm              |
| 12 | Lê Thị Cao Nguyên   | 10/11/1988              | Nữ           | Nội khoa/Da liễu                              | Tập trung - 3 năm              |
| 13 | Phan Sơn Long       | 26/10/1996              | Nam          | Nội khoa/Da liễu                              | Tập trung - 3 năm              |
| 14 | Văn Đức Hạnh        | 31/12/1985              | Nam          | Khoa học thần kinh                            | Tập trung - 3 năm              |
| 15 | Nguyễn Tiến Dũng    | 10/06/1983              | Nam          | Khoa học thần kinh                            | Tập trung - 3 năm              |
| 16 | Đỗ Đình Lộc         | 08/11/1983              | Nam          | Ngoại khoa/Ngoại lồng ngực                    | Tập trung - 3 năm              |
| 17 | Đặng Kim Khuê       | 24/01/1987              | Nam          | Ngoại khoa/Ngoại tiêu hóa                     | Tập trung - 3 năm              |
| 18 | Hoàng Việt Dũng     | 10/02/1973              | Nam          | Ngoại khoa/Ngoại tiêu hóa                     | Tập trung - 3 năm              |
| 19 | Nguyễn Xuân Hòa     | 18/04/1985              | Nam          | Ngoại khoa/Ngoại tiêu hóa                     | Tập trung - 3 năm              |
| 20 | Phan Thanh Nam      | 22/09/1987              | Nam          | Ngoại khoa/Chấn thương chỉnh hình và tạo hình | Tập trung - 3 năm              |
| 21 | Lê Nguyệt Minh      | 11/10/1985              | Nữ           | Điện quang và Y học hạt nhân                  | Tập trung - 3 năm              |
| 22 | Trần Thị Ngọc Anh   | 06/09/1991              | Nữ           | Răng-Hàm-Mặt                                  | Tập trung - 3 năm              |
| 23 | Nguyễn Anh Chi      | 11/06/1983              | Nam          | Răng-Hàm-Mặt                                  | Tập trung - 3 năm              |

Danh sách ấn định 23 nghiên cứu sinh./.